

Số: /BC- UBND

Yên Thượng, ngày 06 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Công tác Cải cách hành chính định kỳ năm 2023
(*Từ ngày 10/12/2022 và dự ước kết quả đến ngày 10/3/2023*)

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Đánh giá về các hoạt động chỉ đạo, điều hành nội bộ của lãnh đạo đơn vị đối với công tác CCHC:

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành Kế hoạch số 10/KH- UBND ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2023; Quyết định số 19/QĐ- UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 về việc giao nhiệm vụ thực hiện Cải cách hành chính năm 2023 làm cơ sở để tổ chức triển khai các nhiệm vụ Cải cách hành chính trong năm. Trong đó xác định các nội dung CCHC cần tập trung chỉ đạo thực hiện với các nhiệm vụ cụ thể của tháng, quý và phân công nhiệm vụ đối với từng công chức chuyên môn thực hiện từng nội dung cụ thể. Chỉ đạo các bộ phận liên quan thực hiện các nội dung của công tác CCHC, nội dung Kế hoạch sát với thực tế của địa phương và nghiêm túc triển khai thực hiện tốt các nội dung của công tác CCHC đã được UBND xã phân công.

2. Đánh giá, cập nhật tiến độ thực hiện kế hoạch CCHC năm của đơn vị:

Ngay từ đầu năm, đơn vị đã chỉ đạo các bộ phận chuyên môn nghiêm túc thực hiện các nội dung của kế hoạch CCHC. Từng bước thực hiện các nội dung theo kế hoạch chỉ đạo của cấp trên, và kế hoạch của đơn vị đã xây dựng.

3. Về công tác thông tin, tuyên truyền CCHC (*nội dung, hình thức và kết quả thực hiện; nêu rõ số lượng các tin, bài viết, phóng sự chuyên đề về CCHC đã thực hiện*).

Căn cứ vào Kế hoạch thực hiện công tác Cải cách hành chính năm 2023, Ủy ban nhân dân xã đã chủ động thông tin, tuyên truyền các chủ trương của Đảng và các chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo của Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân xã về công tác cải cách hành chính. Qua đó nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước và cán bộ, công chức, nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính (CCHC).

Tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp tham gia thực hiện CCHC nhất là ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC); giám sát các hoạt động thực thi công vụ và kết quả thực hiện CCHC của cơ quan hành chính nhà nước.

Phát huy vai trò tích cực của các công tác tuyên truyền, thông tin đại chúng trong việc phát hiện, phản ánh chính xác, kịp thời những mặt tích cực cũng như những hạn chế trong công tác CCHC; Đơn vị đã đăng tải các văn bản liên quan đến công tác CCHC trên cổng thông tin điện tử của xã (02 bài).

4. Tổng hợp, cập nhật tiến độ, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao.

Từng bước thực hiện các nội dung theo kế hoạch chỉ đạo của cấp trên đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC

1. Cải cách thể chế

- Kết quả xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL):

Đơn vị ban hành Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2022 về Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2023;

Kế hoạch số 14/KH- UBND ngày 02 tháng 02 năm 2023 về Hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn xã Yên Thượng kỳ 2019-2023;

Mục đích nhằm triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện các quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Nghị định số 59/2012/NĐ- CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ quy định và các văn bản quy định chi tiết. Khắc phục tồn tại, vướng mắc, bất cập và có giải pháp cụ thể nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật hoặc kiến nghị sửa đổi, bổ sung hệ thống pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

- Kết quả tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật:

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2023 về Theo dõi tình hình thi hành pháp luật và thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn xã Yên Thượng năm 2023;

- Kết quả thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật.

UBND xã đã ban hành: Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023 về Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2023 về việc tổ chức lấy ý kiến nhân dân đối với dự thảo Luật đất đai

(sửa đổi). Công chức chuyên môn đã tham mưu với lãnh đạo UBND xã tổ chức lấy ý kiến của người dân tại 10/10 thôn với 371 lượt người tham gia.

- Kết quả kiểm tra, rà soát và hệ thống hóa văn bản QPPL (*số lượng văn bản đã được kiểm tra, rà soát; tiến độ, kết quả xử lý văn bản sau kiểm tra, rà soát; kết quả hệ thống hóa văn bản QPPL*): Trong quý I, đơn vị đã tiến hành rà soát, tuy nhiên không có văn bản QPPL nào.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành:

+ Kế hoạch số 03/KH-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2023 về việc ban hành kế hoạch hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã Yên Thượng năm 2023;

+Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử và chuyển đổi số trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn xã Yên Thượng năm 2023;

+ Kế hoạch số 13/KH- UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023;

+ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2023 truyền thông về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2023;

- Kết quả rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC: Thực hiện Kế hoạch số 13/KH- UBND ngày 31 tháng 01 năm 2023 của UBND huyện Chợ Đồn về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2023. Tổng số thủ tục hành chính cấp xã được rà soát là 11 thủ tục. Hiện nay các công chức chuyên môn có TTHC đang thực hiện rà soát theo văn bản chỉ đạo.

- Tổng hợp, cập nhật số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị: Căn cứ Quyết định số 2020/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn, tổng số TTHC tiếp nhận và trả kết quả tại BPMC xã là 110 thủ tục (trong đó DVCTT là 65 thủ tục, DVCTT một phần 45 thủ tục)

- Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC:

+Tình hình tổ chức và hoạt động của Bộ phận Một cửa (*cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân sự, cơ chế phối hợp*): Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị hoạt động theo quy định. Hiện có 5 công chức được phân công trực bộ phận một cửa, đảm bảo về trình độ chuyên môn, tác phong, thái độ làm việc, quy chế văn hóa công sở. Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC đúng quy định, hướng dẫn người dân, tổ chức đến thực hiện TTHC cụ thể, rõ ràng, không để hồ sơ tồn

động kéo dài. Tham mưu cho UBND xã thực hiện tốt các quy định của nhà nước về giải quyết TTHC, bố trí trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa bộ phận Một cửa.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC: Trong quý I đơn vị chưa thực hiện số hóa hồ sơ nào.

+ Tổng hợp, cập nhật kết quả giải quyết hồ sơ TTHC của cơ quan, đơn vị: Tổng số hồ sơ TTHC được giải quyết là 35 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong quý I, đơn vị không có phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC.

+ Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC: Thực hiện theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

Về cơ bản, bộ máy chính quyền của địa phương ổn định, thực hiện và phát huy tốt vai trò nhiệm vụ ở địa phương. Công chức của đơn vị được bố trí làm việc đúng vị trí, trình độ chuyên môn được đào tạo.

4. Cải cách chế độ công vụ

Tổng số cán bộ, công chức của đơn vị là 19 người. Công tác quản lý cán bộ, công chức được duy trì tốt đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành.

Thường xuyên chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, tạo điều kiện về cơ chế chính sách để cán bộ, công chức đi học, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tham gia lớp trình độ lý luận chính trị để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của công việc trong thời kỳ mới.

5. Cải cách tài chính công

- Kết quả thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại đơn vị.

Công chức chuyên môn của đơn vị đã tham mưu cho UBND xã thực hiện các quy định của cấp trên về đổi mới cơ chế quản lý tài chính đối với cơ quan hành chính. Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về kinh phí đơn vị.

- Tiến độ, kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước theo kế hoạch được UBND huyện giao: Tính đến thời điểm báo cáo, số ngân sách thu được 6.688.000đ/51.100.000 đ đạt 13%.

+ Kết quả thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công: Trong quý I năm 2023 đơn vị không có

+ Tiến độ, kết quả thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách: Trong quý I năm 2022 đơn vị không có các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: Thực hiện theo quy định.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại các đơn vị sự nghiệp công lập (theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và các văn bản có liên quan): Đơn vị thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên và quy chế chi tiêu nội bộ đã xây dựng của đơn vị.

6. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chỉ đạo, điều hành của hệ thống chính quyền nhà nước ở địa phương. Tăng cường thực hiện việc sử dụng thư điện tử công vụ, phần mềm quản lý văn bản và điều hành, đảm bảo an ninh, an toàn thông tin đến các cơ quan, đơn vị nhằm thực hiện tốt việc nâng cao, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành các văn bản quản lý hành chính nhà nước nâng một cách đầy đủ, khoa học

- Kết quả cung cấp dịch vụ công toàn trình 20 hồ sơ, một phần 15 hồ sơ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

Trong quý I, công tác Cải cách hành chính của đơn vị đã tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong hoạt động của bộ máy hành chính địa phương. Nền hành chính đã có những chuyển biến tích cực theo hướng phục vụ, chuyên nghiệp, hiện đại, năng động, trách nhiệm, đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của người dân, góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

Một số nhiệm vụ, chỉ tiêu kinh tế - xã hội của địa phương còn đạt thấp; Kết quả cung cấp dịch vụ công mức độ toàn trình trong quý I có hồ sơ nhưng số lượng chưa cao.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CCHC TRỌNG TÂM

- Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng công khai, minh bạch, phục vụ người dân, tổ chức, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm thước đo chất lượng, hiệu quả hoạt động của đơn vị. Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cùng với cải cách chế độ công chức, công vụ, thực hiện phong cách cán bộ dân vận trong đơn vị “gần dân, hiểu dân, học dân, trách nhiệm với dân”; “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin”. Cùng cố, nâng cao hiệu lực quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền địa phương, đủ sức giải quyết tốt các vấn đề phát sinh tại chỗ với tinh thần trách nhiệm vì Nhân dân phục vụ

- Tiếp tục tuyên truyền việc triển khai các nội dung liên quan đến công tác cải cách hành chính trong việc tiếp nhận và trả kết quả qua hệ thống phần mềm một cửa, một cửa liên thông.

- Đẩy mạnh việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVH ISO 9001: 2015.

- Thực hiện tốt chế độ tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Cải cách hành chính theo đúng quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Cấp trên tiếp tục quan tâm chỉ đạo địa phương trong thực hiện công tác cải cách hành chính của đơn vị để công tác CCHC trong thời gian tới đạt kết quả, hiệu quả cao hơn.

Trên đây là nội dung báo cáo Công tác Cải cách hành chính định kỳ năm 2023 (*Báo cáo Quý I/2023: Từ ngày 10/12/2022 và dự ước kết quả đến ngày 10/3/2023*) của Ủy ban nhân dân xã Yên Thượng ./.

(Có Phụ lục 1 kèm theo)

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- UBND huyện (b/c);
- LĐ UBND xã (đ/b);
- Lưu: VP (Hiền).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Ma Văn Thái

Phụ lục

**BIỂU THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC CCHC QUÝ I NĂM 2023**

((Từ ngày 10/12/2022 và dự ước kết quả đến ngày 10/3/2023))

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành <i>(kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)</i>	Văn bản	02	
1.2	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm <i>(lũy kế đến thời điểm báo cáo)</i>	%	25	
1.2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	35	
1.2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	09	
1.3	Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan phụ trách CCHC (Quyết định giao nhiệm vụ CCHC đầu năm)			
	Ban hành Quyết định giao nhiệm vụ CCHC	Quyết định	01	
1.4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
1.4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ	25	
	UBND huyện	Nhiệm vụ	25	
1.4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ	09	
	UBND huyện	Nhiệm vụ	09	
1.4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	0	
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ		

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	UBND huyện	Nhiệm vụ		
1.4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	0	
	UBND tỉnh	Nhiệm vụ		
	UBND huyện	Nhiệm vụ		
1.5	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức			
1.5.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.5.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến; Phát phiếu; Kết hợp	0	
1.6	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Có/không	0	
2	Cải cách thể chế			
2.1	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	0	
2.2	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.2.1	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.3	Rà soát VBQPPL			
2.3.1	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.2	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản		
3	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1	Thống kê TTHC			
3.1.1	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	11	
3.1.2	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.3	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	01	
3.1.4	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại cơ quan, đơn vị	Thủ tục	110	
	<i>Số TTHC cấp xã</i>	<i>Thủ tục</i>	110	
3.2	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	110	
3.2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp	Thủ tục	01	
3.2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	35	
3.3	Kết quả giải quyết TTHC			
3.3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	35	
	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	35	
3.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	35	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	35	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
4	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1	Số liệu về cán bộ	Người		
4.1.1	Tổng số cán bộ có mặt	Người	19	
4.1.2	Số cán bộ đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.1.3	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.2	Số liệu về biên chế công chức	Người		
4.2.1	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	19	
4.2.2	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	0	
4.2.3	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.4	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.2	Tổng số người làm việc không chuyên trách	Người	09	
	Tổng số người làm việc có mặt	Người	09	
5	Cải cách chế độ công vụ			
5.1	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1	Vị trí việc làm của cán bộ, công chức		19	
5.1.2	Số công chức hành chính đúng vị trí việc	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	làm đã được phê duyệt			
5.2	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua bầu cử, phê chuẩn <i>(lũy kế từ đầu năm)</i>			
5.2.1	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm mới	Người	0	
5.2.2	Số lãnh đạo đơn vị được bổ nhiệm lại	Người	0	
5.4	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức <i>(cả về Đảng và chính quyền).</i>		0	
	Số lãnh đạo đơn vị bị kỷ luật.	Người	0	
6	Cải cách tài chính công			
6.1	Tỷ lệ thực hiện kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%		<i>Cấp huyện báo cáo</i>
6.1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng		
6.1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng		
7	Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử			
7.1	Tổng số văn bản đi giữa các cơ quan nhà nước			
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử <i>(sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%	100	
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	25	
7.2	Cung cấp Dịch vụ công trực tuyến			
7.2.1	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	45	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức Một phần</i>	<i>Thủ tục</i>	45	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ một phần có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	45	
7.2.2	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ Toàn trình	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ Toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	65	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ Toàn trình</i>	<i>Thủ tục</i>	65	
	<i>Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ Toàn trình có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến</i>	<i>Thủ tục</i>	65	
7.2.3	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức Toàn trình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC của tỉnh, quốc gia	%	100	
	<i>Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến toàn trình và một phần của đơn vị</i>	<i>Thủ tục</i>	110	
	<i>Số TTHC cung cấp trực tuyến mức toàn trình và một phần đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia</i>	<i>Thủ tục</i>	110	
7.2.4	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ toàn trình và một phần (<i>chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ toàn trình và một phần có phát sinh hồ sơ</i>)	%	100	
	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp, bưu chính công ích và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	35	
	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	20	
7.2.5	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	59,09	
	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	65	
	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	65	

